

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2/ Bà Trần Thị Ngoan

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia Phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 722/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm D - sinh năm 1996;

Địa chỉ cư trú: B20/10, khu phố H T, phường H T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

Bị đơn: Anh Võ Văn C - sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp T, xã Hảo Đ, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm D trình bày: Chị và anh C chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hảo Đ, huyện Châu T, tỉnh Tây N. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hay cãi nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Anh P, sinh ngày 14/4/2019, chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không nợ ai.

Tại lời khai ngày 08 tháng 01 và ngày 27 tháng 02 năm 2020 bị đơn anh Võ Văn C trình bày: Thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng, vợ chồng sống chung có cãi nhau, hiện nay chị D và con anh đang sống chung với cha mẹ vợ ở thị xã Hòa T, anh có đến thăm và kêu vợ về nhưng vợ không về, anh muốn đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị D kiên quyết ly hôn với anh, anh thấy vợ chồng không hàn gắn được, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như vợ khai, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, khi anh có tiền tự anh cho con sau.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không.

Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký Pên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với Pên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Con chung giao cho chị D nuôi con, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung khai không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Cẩm D là nguyên đơn, anh Võ Văn C là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị D và anh C.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm D và anh Võ Văn C chung sống với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hảo Đ, huyện Châu T, tỉnh Tây N, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chị D nộp đơn xin ly hôn với anh C sau đó rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Châu T ra Quyết định số 201 ngày 14/11/2019 Đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng đến ngày 02 /12/2019 chị D tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với anh C. Do đó, mâu thuẫn giữa chị D và anh C đã trầm trọng, chị D và anh C không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, chị D xác định vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh C, anh C thống nhất vợ chồng không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn là phù hợp. Do đó, cần chấp

nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị D và anh C thống nhất có 01 con chung tên Võ Anh P - sinh ngày 14/4/2019, hiện chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, ý kiến anh C thống nhất ý kiến chị D, nên cần giao cháu P cho chị D nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị D, anh C không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm D đối với anh Võ Văn C.

Chị Lê Thị Cẩm D và anh Võ Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Cẩm D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Võ Anh P - sinh ngày 14/4/2019.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị D không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Chị D, anh C không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006455 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Điền;
- Các đường sự;
- Lưu HS,TA.